

Bản án số: 147/2023/HC-PT

Ngày: 15 - 3 - 2023

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
về quản lý Nhà nước trong lĩnh vực xây
dựng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tửu

Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân cấp
cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Bà Cao Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành
phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính
thụ lý số: 659/2022/TLPT-HC ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc “Khiếu kiện
quyết định hành chính về quản lý Nhà nước trong lĩnh vực xây dựng”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 1158/2022/HC-ST ngày 28 tháng 7
năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3105/2022/QĐ-PT
ngày 05 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố x1, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ
Chí Minh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 168 T, phường T1, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

1/Ông Nguyễn Tấn T2, sinh năm 1967 - Phó Trưởng Phòng Quản lý Đô
thị - Đội Trưởng Đội quản lý Trật tự đô thị thành phố T (có đơn đề nghị xét xử
vắng mặt)

Địa chỉ: 56 Đ, phường T1, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/Ông Nguyễn Minh V, sinh năm 1987 - Cán sự Phòng Quản lý Đô thị
thành phố T (có mặt)

Địa chỉ: 25 B, phường T3, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/Ông Cù Duy Q, sinh năm 1988 - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L, thành phố T (có mặt)

Địa chỉ: 984/26 Quốc lộ x1, khu phố x5, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Vật liệu Xây dựng P.

Địa chỉ: 481 khu phố X2 X, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lương Quý P1 (vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Phạm Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 29/6/2021 và nội dung các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện trình bày:

Ngày 27/11/2020, ông Phạm Văn T thấy Quyết định số 6773/QĐ- CCXP ngày 26/11/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T (sau đây gọi là Quyết định số 6773) dán trên cổng nhà ông, sau đó ông đã khiếu nại quyết định này.

Ngày 15/01/2021, ông nhận được Thông báo số 23/TB-UBND của Ủy ban nhân dân quận T về việc không thụ lý giải quyết đơn khiếu nại của ông vì cho rằng Quyết định 6773 được ban hành đúng quy định pháp luật và không sai đối tượng. Quyết định 6773 buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Vật liệu xây dựng P (sau đây gọi là Công ty P) phải tháo dỡ công trình xây dựng vi phạm trật tự xây dựng đô thị là nhà đất của ông là không đúng quy định pháp luật, vì ngày 05/9/2011 ông Phạm Văn T có lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất với Công ty P phần diện tích đất 237m², diện tích xây dựng nhà là 150m², đất nằm trong dự án nhà ở biệt thự vườn tại lô số 4, khu A biệt thự vườn P trên đất có một căn nhà đã có quy hoạch chi tiết 1/500 ngày 13/5/2004 (thuộc một phần thửa số 127, bản đồ số 108, phường L). Theo Quyết định số 6159/QĐ-UB ngày 08/12/2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giao cho Công ty P thực hiện dự án nhà ở biệt thự vườn theo Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 19/02/2001 của Thủ tướng Chính phủ.

Tại Quyết định số 1032/QĐ-UBND ngày 12/3/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh diện tích thu hồi, giao đất cho Công ty P thì căn nhà trên đất tại thửa đất số 4, lô A khu biệt thự vườn P từ ngày 12/3/2015 đã nằm ngoài ranh dự án khu biệt thự vườn của Công ty P.

Ngày 21/8/2020, Thanh tra quận T và Ủy ban nhân dân phường L đã tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính là biên bản không, không có mặt tại công trình vi phạm vì nhà của ông T trên thửa đất số 4, lô A khu biệt thự vườn P do ông T quản lý và sử dụng từ năm 2011 đến nay. Do đó Thanh tra địa bàn quận T và Ủy ban nhân dân phường L không thể tự mở khóa vào nhà cửa của ông để tiến hành lập biên bản.

Mặt khác, những trường hợp vi phạm từ ngày 04/01/2008 đã kết thúc trước ngày 15/01/2018 được phép tồn tại công trình theo nội dung văn bản số

3260/UBND-QLĐT ngày 12/7/2018 của Ủy ban nhân dân quận T về việc xử lý cho tồn tại các công trình (nhà ở riêng lẻ) vi phạm trật tự xây dựng trước ngày 15/01/2018; không vi phạm chỉ giới xây dựng; không ảnh hưởng đến công trình lân cận; không tranh chấp, xây dựng trên đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp hiện phù hợp quy hoạch xây dựng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo Công văn số 1062/SXD-TT ngày 22/01/2020 của Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh, theo khoản 1, khoản 2 Điều 6 Thông tư số 03/2018/TT-BXD ngày 24/4/2018 của Bộ Xây dựng hướng dẫn Điều 79 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ hướng dẫn về đủ điều kiện cho tồn tại.

Do đó ông T cho rằng Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định số 6773 cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với Công ty P mà tháo dỡ căn nhà của ông T là trái quy định pháp luật. Nay ông giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về hủy Quyết định số 6773.

Người bị kiện có văn bản trình bày:

Ngày 21/8/2020, Ủy ban nhân dân phường L kiểm tra và lập Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực xây dựng (công trình đã hoàn thiện và đưa vào sử dụng) số 22/BB-VPHC đối với Công ty P do ông Lương Quý P1 — Chức vụ: Giám đốc là người đại diện theo pháp luật; vì đã có hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng, cụ thể: “*diện tích 26,4m x 5,1m = 134,64m²”; kết cấu: tường gạch, mái tôn; diện tích gác: 3,4m x 5,1m = 14,34m²; kết cấu: sàn đổ giả bê tông. Thời điểm vi phạm xây dựng: Tháng 11 năm 2011*”, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 của Nghị định số 23/2009/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ.

Thời điểm vi phạm của Công ty P vào năm 2011, đến thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính đã hết thời hiệu xử phạt tiền. Do đó, Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T) không áp dụng hình thức xử phạt vi phạm hành chính mà ban hành Quyết định số 6034/QĐ-KPHQ ngày 22/10/2020 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với Công ty P do ông Lương Quý P1 – Chức vụ: Giám đốc là người đại diện theo pháp luật. Nội dung:

“... Buộc tổ chức vi phạm phải tháo dỡ phần công trình xây dựng vi phạm với diện tích: 26,4m x 5,1m = 134,64m²; kết cấu: tường gạch, mái tôn; diện tích gác: 3,4m x 5,1m = 17,34m²; kết cấu: sàn đổ giả bê tông.

Tọa lạc tại số 4 Lô A, khu biệt thự vườn P (thuộc một phần thửa số 127, tờ bản đồ số 108 – tài liệu đo năm 2004), đường L, khu phố X1, phường L, quận T.

Thời hạn thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả: 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này hoặc ngày Quyết định được niêm yết”.

Tuy nhiên, Công ty P không chấp hành nội dung Quyết định số 6034/QĐ-KPHQ ngày 22/10/2020 của Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T). Do đó, ngày 26/11/2020, Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T) ban hành Quyết định số 6773 về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả

đối với Công ty P do ông Lương Quý P1 – Chức vụ: Giám đốc là người đại diện theo pháp luật.

Nên căn cứ Điều 28, Điều 57, Điều 68, Điều 86, Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 23/2009/NĐ-CP ngày 27/02/2009 của Chính phủ, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T) ban hành Quyết định số 6034/QĐ-KPHQ ngày 22/10/2020 về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 6773 về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với Công ty P là đúng quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T) ban hành Quyết định số 6034/QĐ-KPHQ ngày 22/10/2020 về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 6773 về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với Công ty P là đúng quy định của pháp luật do Công ty P có hành vi xây dựng không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng. Tại thời điểm Công ty P và ông Phạm Văn T làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và cho đến thời điểm hiện tại thì toàn bộ khu đất thuộc dự án của Công ty P chưa có đủ hồ sơ pháp lý hoàn chỉnh và hạ tầng nội bộ dự án đủ điều kiện để thực hiện chuyển nhượng. Ngoài ra Công ty P cũng chưa có bất kỳ văn bản chính thức nào xin phép xây dựng nhà ở cho toàn dự án hay cá nhân ông T gửi Sở Xây dựng hay Phòng Đô thị quận T. Việc giao dịch theo hợp đồng chuyển nhượng trước đây giữa Công ty P và ông T là giả tạo do ông Lương Hạnh trước đây làm Giám đốc có cho ông T ở tạm, thực tế không có chuyển nhượng gì. Hiện hai bên đang tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên, Tòa án nhân dân thành phố T đang thụ lý và đang trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định số 6773 là đúng quy định pháp luật, do Công ty P có hành vi xây dựng không có giấy phép xây dựng. Việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với Công ty P là đúng quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1158/2022/HC-ST ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định như sau:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T về hủy Quyết định số 6773/QĐ-CCXP ngày 26/11/2020 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/8/2022 người khởi kiện ông Phạm Văn T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Phạm Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Người bị kiện có văn bản xin xét xử vắng mặt.

Trong phần tranh luận:

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người bị kiện phát biểu: Giao dịch giữa công ty P với ông T là giao dịch dân sự. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T chỉ giải quyết hành vi xây dựng trái phép của công ty P. Ông T cho rằng căn nhà xây dựng trước năm 2011 nhưng không cung cấp được tài liệu nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T không có cơ sở để xem xét. Nếu ông T nộp hồ sơ theo Thông tư 03 hướng dẫn Nghị định 139 thì sẽ trình Ủy ban nhân dân xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người khởi kiện trình bày: Ông T đã có làm đơn cung cấp chứng cứ đến việc giải quyết vụ án, trong đơn xin cung cấp chứng cứ có quyết định giao đất cho công ty P thực hiện việc phân lô bán nền. Dự án P là 1/500, năm 2015 công ty P điều chỉnh lại ranh dự án theo Quyết định 1032 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty P chuyển nhượng quyền sử dụng nhà, đất cho ông là pháp nhân chuyển nhượng nên không cần phải ra công chứng, cấp sơ thẩm cho rằng hợp đồng của ông T là hợp đồng viết tay là không đúng. Vị trí nhà ông T không còn liên quan đến công ty P vì công ty P đã điều chỉnh ranh, nếu chủ thể chấp hành quyết định là công ty P nhưng công ty đã bán tài sản, không còn đúng vị trí. Văn bản 1062 của sở xây dựng thì đối tượng bị vi phạm nguyên tắc xây dựng thì nhà công ty P xây dựng Nhà trước năm 2011. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Vụ án từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T cho rằng đã rút đơn khởi kiện với công ty P tại Tòa án nhân dân thành phố T nhưng không có chứng cứ chứng minh. Công trình do công ty P làm chủ đầu tư là không có giấy phép xây dựng nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành quyết định xử lý vi phạm hành chính là đúng quy định pháp luật. Bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện xin vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính tiến hành xét xử vắng mặt đối với người bị kiện.

[2] Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực xây dựng (công trình đã hoàn thiện và đưa vào sử dụng) số 22/BB-VPHC ngày 21/8/2020 của Ủy ban nhân dân phường L, ngày 22/10/2020 Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T) có Quyết định số 6034/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả với Công ty P do có hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình không có

giấy phép xây dựng, mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng. Do công ty P không chấp hành, ngày 26/11/2020 Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T) đã ban hành Quyết định 6773/QĐ-CCXP cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả với công ty P. Ông Phạm Văn T cho rằng căn nhà bị buộc tháo dỡ là căn nhà mà ông đã nhận chuyển nhượng từ công ty P vào năm 2011, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T) ban hành Quyết định 6773/QĐ-CCXP cưỡng chế tháo dỡ căn nhà trên là ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của ông, nên khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy quyết định trên.

[3] Bản án sơ thẩm nhận định:

[3.1] Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T) ban hành Quyết định 6773/QĐ-CCXP ngày 26/11/2020 là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2013.

[3.2] Về nội dung:

- Ngày 21/8/2020, Ủy ban nhân dân phường L kiểm tra và lập Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực xây dựng (công trình đã hoàn thiện và đưa vào sử dụng) số 22/BB-VPHC đối với Công ty P vì đã có hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng, cụ thể: “*diện tích $26,4m \times 5,1m = 134,64m^2$, kết cấu: tường gạch, mái tôn; diện tích gác: $3,4m \times 5,1m = 14,34m^2$; kết cấu: sàn đổ giả bê tông. Thời điểm vi phạm xây dựng: Tháng 11 năm 2011*”, căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11 của Nghị định số 23/2009/NĐ-CP ngày 27/02/2009 của Chính phủ. Do thời điểm vi phạm của Công ty P vào năm 2011 đến thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính đã hết thời hiệu xử phạt tiền, nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T) không áp dụng hình thức xử phạt vi phạm hành chính mà ban hành Quyết định số 6034/QĐ-KPHQ ngày 22/10/2020 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với Công ty P là đúng quy định pháp luật.

- Ông T cho rằng công trình xây dựng bị buộc tháo dỡ đã được xây dựng từ năm 2007, sau đó Công ty P chuyển nhượng lại cho ông theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở và sở hữu nhà ở lập ngày 05/9/2011 đối với phần đất diện tích $237m^2$, đất nằm trong dự án nhà ở biệt thự vườn tại thửa đất lô số 4, khu A khu biệt thự vườn P trên đất có một căn nhà, đã có quy hoạch chi tiết 1/500 ngày 13/05/2004 của Ủy ban nhân dân quận T theo Quyết định số 6159/QĐ-UB ngày 08/12/2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giao cho Công ty P thực hiện dự án nhà ở biệt thự vườn theo Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 19/02/2001 của Thủ tướng Chính phủ. Tuy nhiên ông T không có tài liệu, chứng cứ chứng minh thời điểm xây dựng nhà vào năm 2007, trong khi đó theo lời trình bày của Công ty P (là tổ chức vi phạm) xác định xây nhà vào năm 2011. Do đó, Biên bản vi phạm hành chính số 22/BB-VPHC do Ủy ban nhân dân phường L lập ngày 21/8/2020 xác định công trình xây dựng năm 2011 là có cơ sở.

- Mặt khác, ông T cho rằng dự án khu nhà ở của Công ty P đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500, nhưng không có chứng cứ chứng minh. Tại Văn bản số 1671/TNMT-QLSDD ngày 02/3/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh và Văn bản số 953/TT-ĐTĐ của Thanh tra Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh xác định Công ty P được cho thuê đất để đầu tư dự án Hội quán thể dục thể thao, sau đó chuyển sang xây dựng khu nhà ở; chưa lập quy hoạch chi tiết xây dựng, chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng. Theo quy định tại Điều 89 Luật Xây dựng năm 2014 thì công trình này chưa đủ điều kiện để được cấp giấy phép xây dựng.

Về nguồn gốc đất: Công ty P chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc chuyển nhượng giữa Công ty P và ông T chỉ là văn bản thể hiện giao dịch của hai bên chưa thực hiện thủ tục chuyển nhượng theo đúng quy định pháp luật. Hiện nay giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Công ty P và ông T có tranh chấp tại Tòa án nhân dân thành phố T theo Thông báo thụ lý vụ án số 117/TB-TLVA ngày 29/4/2020. Vậy, ngoài lý do chưa được công nhận quyền sở hữu cho ông T, thì phần đất có công trình này còn đang có tranh chấp, nên yêu cầu của người khởi kiện về việc xem xét cho công trình nhà ở riêng lẻ tồn tại theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 6 Thông tư số 03/2018/TT-BXD ngày 24/4/2018 của Bộ Xây dựng hướng dẫn Điều 79 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ là không có cơ sở chấp nhận.

- Công ty P không chấp hành nội dung Quyết định số 6034/QĐ-KPHQ ngày 22/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T) nên ngày 26/11/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T) ban hành Quyết định số 6773 về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với Công ty P là phù hợp với Điều 28, Điều 57, Điều 68, Điều 86, Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Từ những nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T.

[4] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đầy đủ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nhận định và bác yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T cho rằng đã rút đơn khởi kiện vụ án tranh chấp với công ty P tại Tòa án nhân dân thành phố T, nhưng không có tài liệu chứng minh nên không có cơ sở xem xét. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; Bác yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người có kháng cáo phải chịu.

[6] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính,

Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Phạm Văn T; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 1158/2022/HC-ST ngày 28/7/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh,

Áp dụng Điều 28, Điều 57, khoản 2 Điều 66, Điều 68, Điều 86, Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Điều 4, Điều 5, khoản 4 Điều 68 Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T về hủy Quyết định số 6773/QĐ-CCXP ngày 26/11/2020 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T).

2. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

II. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Phạm Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002948 ngày 24/8/2022 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- NKK (1);
- NBK (1);
- NLQ (1);
- Lưu (10) 18b (Án TTKY).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên